

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4610** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **26** tháng **9** năm **2024**

V/v hoàn thuế hàng nhập khẩu
phải tái xuất

Kính gửi: Công ty TNHH Fushan Technology Việt Nam.
(Số 8 đường 6 Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh- Phù Chân- Từ Sơn- Bắc Ninh)

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 0027-2024-TC-0528 ngày 28/5/2024 của Công ty TNHH Fushan Technology (Việt Nam) đề nghị hướng dẫn hoàn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối của doanh nghiệp chế xuất sau đó bán ra nước ngoài hoặc xuất bán cho doanh nghiệp chế xuất khác. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối của doanh nghiệp chế xuất

Trường hợp Công ty TNHH Fushan Technology (Việt Nam) là doanh nghiệp chế xuất được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 90/2018/NĐ-CP thì thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu theo quyền của doanh nghiệp chế xuất quy định tại Điều 77 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 53 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

2. Về sử dụng mã loại hình tờ khai

Căn cứ hướng dẫn tại Quyết định số 1357/QĐ-TCHQ ngày 18/5/2021 của Tổng cục Hải quan và công văn số 4032/TCHQ-GSQL ngày 16/8/2021 của Tổng cục Hải quan:

- Trường hợp Công ty TNHH Fushan Technology (Việt Nam) đã được cấp quyền nhập khẩu và nhập khẩu hàng hóa theo quyền nhập khẩu thì Công ty đăng ký mã loại hình A41 – Nhập kinh doanh của doanh nghiệp thực hiện quyền nhập khẩu.

- Việc sử dụng mã loại hình khi xuất khẩu hàng hóa có nguồn gốc từ hàng nhập khẩu (chưa qua quá trình gia công, chế biến) để trả lại chủ hàng, xuất ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan, doanh nghiệp chế xuất, theo công văn số 4032/TCHQ-GSQL ngày 16/8/2021 của Tổng cục Hải quan:

+ Trường hợp người xuất khẩu là người nhập khẩu ban đầu hoặc được người nhập khẩu ban đầu ủy quyền, ủy thác xuất khẩu và hàng hóa đáp ứng điều kiện không thu thuế xuất khẩu, hoàn thuế nhập khẩu thì sử dụng mã loại hình B13 – xuất khẩu hàng đã nhập khẩu.

+ Trường hợp người xuất khẩu không có nhu cầu thực hiện thủ tục không thu thuế xuất khẩu, hoàn thuế nhập khẩu hoặc người xuất khẩu không phải người nhập khẩu ban đầu, người được nhập khẩu ban đầu ủy quyền, ủy thác xuất khẩu theo quy định thì sử dụng mã loại hình B11 – xuất kinh doanh.

3. Về chính sách thuế

a) Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định:

“1. Các trường hợp hoàn thuế:

...

c) Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu nhưng hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu.

...

2. Hàng hóa quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này được hoàn thuế khi chưa qua sử dụng, gia công, chế biến.”

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 34 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định:

“1. Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhưng phải tái xuất được hoàn thuế và không phải nộp thuế xuất khẩu, gồm:

a) Hàng hóa nhập khẩu nhưng phải tái xuất ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan để sử dụng trong khu phi thuế quan.

Việc tái xuất hàng hóa phải được thực hiện bởi người nhập khẩu ban đầu hoặc được người nhập khẩu ban đầu ủy quyền, ủy thác xuất khẩu.”

Căn cứ quy định nêu trên trường hợp doanh nghiệp chế xuất đã được cấp quyền nhập khẩu thực hiện nhập khẩu hàng hóa theo quyền nhập khẩu nhưng phải tái xuất hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan (hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến) thì cơ quan hải quan xem xét hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu khi có đề nghị của doanh nghiệp. Hồ sơ, thủ tục hoàn thuế, không phải nộp thuế đối với hàng hóa thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

b) Về thuế Giá trị gia tăng

Căn cứ Điều 60 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định:

“Người nộp thuế có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp thì được bù trừ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ hoặc trừ vào số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp của lần nộp thuế tiếp theo hoặc được hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa khi người nộp thuế không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt ...”.


Căn cứ Điều 10 Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính quy định về thẩm quyền, thủ tục xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.


Căn cứ Điều 131 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 64 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định thủ tục xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.


Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty TNHH Fushan Technology đã được cấp quyền nhập khẩu và nhập khẩu hàng hóa theo quyền nhập khẩu (Việt Nam), đã nộp đủ các loại thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (nếu có) sau đó xuất khẩu trả lại chủ hàng nước ngoài, việc xử lý tiền thuế giá trị gia tăng nộp thừa thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 1453/TCHQ-TXNK ngày 14/3/2019 của Tổng cục Hải quan (đính kèm).

Trường hợp Công ty TNHH Fushan Technology (Việt Nam) đã được cấp quyền nhập khẩu và nhập khẩu hàng hóa theo quyền nhập khẩu, đã nộp đủ các loại thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (nếu có) sau đó xuất bán ra nước ngoài hoặc xuất bán vào khu phi thuế quan theo quyền xuất khẩu, đề nghị Công ty liên hệ với Cơ quan Thuế để được hướng dẫn đối với tiền thuế giá trị gia tăng đã nộp.

Đề nghị Công ty TNHH Fushan Technology (Việt Nam) nghiên cứu các quy định nêu trên và liên hệ với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai để được hướng dẫn thực hiện.

Tổng cục Hải quan thông báo để Công ty TNHH Fushan Technology (Việt Nam) biết. / - 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Tổng cục Thuế (để phối hợp);
- Cục GSQL, Cục KTSTQ (để biết);
- Lưu: VT, TXNK-CST (3b). 

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Âu Anh Tuấn

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Số: **1453/TCHQ-TXNK**

V/v hoàn thuế GTGT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Tổng cục Hải quan nhận được phản ánh của doanh nghiệp và các Cục hải quan địa phương đề nghị hướng dẫn xử lý việc hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu trả lại chủ hàng nước ngoài. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Đối với tờ khai xuất khẩu đăng ký trước ngày 01/07/2016:

Căn cứ khoản 13 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Khoản 1, Điều 29 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Khoản 1 Điều 49 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, thì: đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó tái xuất trả lại chủ hàng nước ngoài, tờ khai xuất khẩu đăng ký trước ngày 01/07/2016, cơ quan hải quan thực hiện xử lý tiền thuế GTGT nộp thừa theo đúng quy định.

2. Đối với tờ khai xuất khẩu đăng ký từ ngày 01/07/2016 đến trước ngày 01/02/2018:

Ngày 2/4/2018, Bộ Tài chính đã có công văn số 3761/BTC-CST hướng dẫn thực hiện (gửi kèm). Theo đó, trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu nhưng sau đó xuất khẩu trả lại chủ hàng nước ngoài, tờ khai xuất khẩu đăng ký từ ngày 01/07/2016 đến trước ngày 01/02/2018 thì không được hoàn thuế mà thực hiện kê khai, khấu trừ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Đề nghị các Cục Hải quan tỉnh, thành phố hướng dẫn doanh nghiệp liên hệ với cơ quan Thuế để được hướng dẫn thực hiện.

3. Đối với tờ khai xuất khẩu đăng ký từ ngày 01/02/2018:

Căn cứ Điều 47 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 64 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 131 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu nhưng sau đó phải xuất khẩu trả lại chủ hàng nước ngoài, tờ khai xuất khẩu đăng ký từ ngày 01/02/2018 thì cơ quan hải quan thực hiện xử lý tiền thuế GTGT nộp thừa theo đúng quy định.

Tổng cục Hải quan thông báo đề Cục Hải quan các tỉnh, thành phố biết, thực hiện. *th*

Nơi nhận: *th*

- Như trên;
 - Thứ trưởng Vũ Thị Mai (để báo cáo);
 - Vụ Pháp chế, Vụ CST, TCT (để p/h);
 - Lưu: VT, TXNK (3b).
- Nguyễn*

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



th
Dương Thái



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *3761* /BTC-CST
V/v khấu trừ thuế GTGT hàng
nhập khẩu sau đó xuất trả cho
chủ hàng nước ngoài.

Hà Nội, ngày *02* tháng *04* năm *2018*

Kính gửi: Công ty TNHH Hon Chuan Vietnam.
(Địa chỉ: Số 29 VSIP II, đường số 7, KCN VSIP II, Phường Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu
Một, tỉnh Bình Dương).

Bộ Tài chính nhận được văn bản số 27102017-02/HC-VCST ngày 27/10/2017 của Công ty TNHH Hon Chuan Vietnam (sau đây gọi tắt là Công ty) đề nghị hướng dẫn về việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng (GTGT) của hàng nhập khẩu sau đó xuất trả chủ hàng nước ngoài. Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về khấu trừ thuế GTGT đầu vào:

Tại khoản 1, 2 và 4 Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính) có quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau:

"1. Có hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

2. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ hai mươi triệu đồng trở lên, trừ các trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng, hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT và trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài."

"4. Các trường hợp thanh toán không dùng tiền mặt khác để khấu trừ thuế GTGT đầu vào gồm:

"b) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ công nợ như vay, mượn tiền; cần trừ công nợ qua người thứ ba mà phương thức thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng thì phải có hợp đồng vay, mượn tiền dưới hình thức văn bản được lập trước đó và có chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của bên cho vay sang tài khoản của bên đi vay đối với khoản vay bằng tiền bao gồm cả trường

hợp bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với khoản tiền mà người bán hỗ trợ cho người mua, hoặc nhờ người mua chi hộ."

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp trong giai đoạn từ ngày 01/7/2016 đến trước ngày 01/02/2018, Công ty nhập khẩu 02 máy làm phôi chai nhựa (Hypet 300 4.0 P100/120 EE120 S/N:7565455 và Hypet 300 4.0 P100/120 EE120 S/N:7565456) và 01 bộ hệ thống máy sấy hạt nhựa, tuy nhiên do nhu cầu thị trường thay đổi, Công ty đã xuất trả các hàng hóa này cho các chủ hàng nước ngoài. Công ty có tờ khai nhập khẩu, tờ khai xuất trả, biên bản thỏa thuận trả hàng hóa, chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu thì đây là hình thức thanh toán bù trừ công nợ nên đáp ứng được điều kiện về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để được khấu trừ số thuế GTGT đã nộp tại khâu nhập khẩu của hàng hóa đã xuất trả chủ hàng nước ngoài.

2. Về hoàn thuế GTGT:

Tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế (có hiệu lực từ ngày 01/7/2016) có quy định về hoàn thuế GTGT như sau:

"4. Hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

a) Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo.

...

b) Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật Hải quan, Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các văn bản hướng dẫn.

Ví dụ: Công ty thương mại A nhập khẩu 500 chiếc điều hòa từ Nhật Bản và đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu. Sau đó Công ty thương mại A xuất khẩu 500 chiếc điều hòa này sang Campuchia thì Công ty thương mại A không phải tính thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT của 500 chiếc điều hòa này đã nộp ở khâu nhập khẩu và thuế GTGT đầu vào của dịch vụ vận chuyển, lưu kho không được hoàn thuế mà thực hiện khấu trừ."

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp trong giai đoạn từ ngày 01/7/2016 đến trước ngày 01/02/2018, Công ty nhập khẩu hàng hóa sau đó tái xuất trả chủ hàng nước ngoài thì không thuộc diện được hoàn thuế GTGT.

Đề nghị doanh nghiệp liên hệ với cơ quan quản lý thuế trực tiếp để được kiểm tra, kiểm soát hồ sơ cụ thể và giải quyết theo quy định.

Bộ Tài chính trả lời Công ty TNHH Hon Chuan Vietnam để biết và thực hiện. / *ht*

Nơi nhận: *42*

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- TCT; Vụ PC;
- Lưu: VT, Vụ CST(CST2). (467)

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH THUẾ



ht
Phạm Đình Thi